|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN AN LÃO****TRƯỜNG THCS THÁI SƠN**1. **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**
 | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2022 -2023****MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 7***Thời gian làm bài 90 phút không kể thời gian giao đề* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **Phân môn Địa lí** |
| **1** | **Châu Âu****(Kiến thức đã kiểm tra 10%-0,5 điểm)** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu – Đặc điểm tự nhiên– Đặc điểm dân cư, xã hội– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên– Khái quát về Liên minh châu Âu (EU | 2TN |  |  |  |  |  |  |  | **5%** |
| **2** | **Châu Á** **(8 tiết – 3,0 điểm)**  | – Đặc điểm tự nhiên– Đặc điểm dân cư, xã hội– Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á– Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | 6TN |  |  |  |  |  | 1TL | 1TL | **30%** |
| **3** | **Châu Phi** **(3 tiết-1,5điểm)** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi– Đặc điểm tự nhiên |  |  |  | 1TL |  |  |  |  | **15%** |
| ***Tỉ lệ*** | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | ***5%*** | ***50%*** |
| **Phân môn Lịch sử** |
| **1** | **TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI (đã kiểm tra giữa kì I)** | 1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2. Các cuộc phát kiến địa lí |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3. Văn hoá Phục hưng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4. Cải cách tôn giáo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5. Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX** **(đã kiểm tra giữa kì I)** | 1. Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII2. Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX (đã kiểm tra giữa kì I)** | 1. Vương triều Gupta2. Vương triều Hồi giáo Delhi3. Đế quốc Mogul | 4TN |  |  |  |  |  |  |  | 10% |
| **4** | **ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | 1. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI | 2TN |  |  | 1TL |  | 1TL(a) |  | 1TL(b) | 35% |
| 2. Vương quốc Cam-pu-chia |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3. Vương quốc Lào | 2TN |  |  |  |  |  |  |  | 5% |
| ***Tổng*** | ***8TN*** |  |  | ***1TL*** |  | ***1 TL(a)*** |  | ***1 TL(b)*** |  |
| **Tỉ lệ %** | **20%** | **15%** | **10%** | **5%** | **50%** |
| **Tổng hợp chung** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** | **100%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN AN LÃO****TRƯỜNG THCS THÁI SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2022 -2023****MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 7***Thời gian làm bài 90 phút không kể thời gian giao đề* |

**B.BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/****Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** |
| 1 | **Châu Âu****(Kiến thức đã kiểm tra 10%-0,5 điểm)** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu – Đặc điểm tự nhiên– Đặc điểm dân cư, xã hội– Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên– Khái quát về Liên minh châu Âu (EU | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. – Xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga).– Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới lạnh; đới ôn hòa.– Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.  | 2 TN |  |  |  |
| 2 | **Châu Á** **(8 tiết – 3,0 điểm)**  | – Đặc điểm tự nhiên– Đặc điểm dân cư, xã hội– Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á– Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | **Nhận biết**– Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.– Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.– Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.– Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.– Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á.**Vận dụng cao**– Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). | 6TN |  | 1 TL(1 ý) | 1 TL(1 ý) |
| 3 | **Châu Phi** **(3 tiết-1,5 điểm)** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Phi– Đặc điểm tự nhiên | **Nhận biết**– Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Phi.**Thông hiểu**– Phân tích được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Phi: địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản. |  | 1TL |  |  |
| Số câu/ loại câu |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL  | 1 câu TL (ý a) | 1 câu TL(ý b) |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20%*** | ***15%*** | ***10%*** | ***5%*** |
| **môn Lịch sử** |
| **1** | **TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI (đã kiểm tra giữa kì I)** | **1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu** | **Nhận biết**– Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu**Thông hiểu**– Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.– Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo**Vận dụng**– Phân tích được vai trò của thành thị trung đại. |  |  |  |  |
| **2. Các cuộc phát kiến địa lí** | **Thông hiểu**– Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí **Vận dụng**– Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới |  |  |  |  |
| **3. Văn hoá Phục hưng** | **Nhận biết**– Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hung**Thông hiểu**– Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.**Vận dụng**– Nhận xét được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu |  |  |  |  |
| **4. Cải cách tôn giáo** | **Nhận biết**– Nêu được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo**Thông hiểu**– Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo– Giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo– Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.  |  |  |  |  |
| **5. Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại** | **Thông hiểu**– Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu |  |  |  |  |
| **2** | **TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX (đã kiểm tra giữa kì I)** | **1. Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII****2. Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX** | **Nhận biết**– Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường**Thông hiểu**– Mô tả được sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh- Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...)**Vận dụng**– Lập được sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh).– Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...) |  |  |  |  |
| **3** | **ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX**  | **1. Vương triều Gupta****2. Vương triều Hồi giáo Delhi****3. Đế quốc Mogul** | **Nhận biết**– Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ– Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.**Thông hiểu****-** Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX**Vận dụng** – Nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX | 4TN |  |  |  |
| **4** | **ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | **1. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI** | **Thông hiểu**– Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.- Giới thiệu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.**Vận dụng** – Nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.**Vận dụng cao**– Liên hệ được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI có ảnh hưởng đến ngày nay. | 2TN | 1TL | 1TLa\* | 1 TLb |
| **2. Vương quốc Cam-pu-chia** | **Nhận biết**– Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia.- Nêu được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.**Thông hiểu**– Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia.**Vận dụng**– Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor. |  |  |  |  |
| **3. Vương quốc Lào** | **Nhận biết**– Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.- Nêu được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.**Thông hiểu**– Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.**Vận dụng**– Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang. | 2TN |  |  |  |
| **Tổng** |  | **8 câu TNKQ** | **1 câu TL**  |  **1 câu TL (a)** | **1 câu TL (b)** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Tỉ lệ chung** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN AN LÃO****TRƯỜNG THCS THÁI SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2022 -2023****MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 7***Thời gian làm bài 90 phút không kể thời gian giao đề* |

**PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)**

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất:***

**Câu 1. Ấn Độ được thống nhất vào thời gian nào?**

A. 2 500 năm TCN. B. 1 500 nắm TCN.

C. Cuối thế kỉ III TCN. D. Đầu thế kỉ IV.

**Câu 2. Nghề luyện kim thời Vương triều Gúp-ta đã phát triển đến trình độ cao thông qua biểu hiện nào?**

A. Đúc được tượng Phật bằng sắt cao tới 2m và không gỉ.

B. Chế tạo kim hoàn và các tác phẩm nghệ thuật khắc trên ngà voi.

C. Dệt được những tấm vải mềm và nhẹ, nhiều màu sắc và không phai.

D. Đúc được cột sắt không gỉ và những bức tượng Phật bằng đồng cao tới 2m.

**Câu 3. Công trình kiến trúc nào dưới đây thể hiện sự tôn sùng Phật giáo của người Ấn Độ?**

A. Lâu đài Đỏ. B. Lăng Ta-giơ Ma-han.

C. Chùa hang A-gian-ta. D. Đền Bô-rô-bua-đua.

**Câu 4. Sau thời kì phân tán (thế kỉ III TCN - thế kỉ IV), Ấn Độ được thống nhất dưới thời Vương triều nào?**

A. Gúp-ta. B. Đê-li.  C. Mô-gôn. D. Hác-sa.

**Câu 5: Đến giữa thế kỉ XIX, quốc gia nào ở Đông Nam Á vẫn giữ được độc lập trước sự xâm lược của phương Tây?**

A. Thái Lan B. Việt Nam C. Ma-lai-xi-a D. Phi-lip-pin

**Câu 6. Vương quốc Lan Xang có chính sách ngoại giao như thế nào với Đại Việt và Cam-pu-chia?**

A. Đưa quân đánh Đại Việt và Cam-pu-chia

B. Giữ quan hệ hòa hiếu với Đại Việt và Cam-pu-chia

C. Giữ quan hệ hòa hiếu với Đại Việt và lần chiếm Cam-pu-chia

D. Lấn chiếm Đại Việt và giữ quan hệ hòa hiếu với Cam-pu-chia

**Câu 7. Văn hóa Đông Nam Á chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất từ nền văn hóa *nào?***

A. Trung Quốc. B. Nhật Bản. C. Ấn Độ. D. Phương Tây.

**Câu 8. Các bộ lạc Lào tập hợp thống nhất thành quốc gia nào vào thời gian nào?**

A. Năm 1350 B. Năm 1351 C. Năm 1352 D. Năm 1353

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1** **(1,5 điểm)**: Em hãy nêu thành tựu tín ngưỡng – tôn giáo và chữ viết – văn học của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kì XVI.

**Câu 2** **(1,5 điểm)**:

a. Hãy nhận xét những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.

b. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu nào của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI còn ảnh hưởng đến ngày nay?

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

**I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)**

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước phương án trả lời đúng nhất:***

**Câu 1. Đô thị hóa ở châu Âu gắn liền với quá trình nào?**

A. Công nghiệp hóa. B. Nông nghiệp hóa.

C. Cách mạng xanh. D. Hiện đại hóa.

**Câu 2. Người di cư đến châu Âu chủ yếu từ khu vực nào?**

A. Châu Phi, Châu Á. B. Châu Phi, Trung Đông.

C. Châu Á, Bắc Mỹ. D. Trung Đông, Bắc Á.

**Câu 3. Châu Á là nơi ra đời của những tôn giáo lớn nào?**

A. Ấn độ giáo, Phật giáo, Hồi giáo, Hin đu.

B. Hồi giáo, Cao đài, Hòa hảo, Phật giáo.

C. Ki-tô giáo, Ấn độ giáo, Phật giáo, Hồi giáo.

D. Phật giáo, Ki-tô giáo, Tin lành, Hin đu.

**Câu 4. Dân cư châu Á thuộc những chủng tộc nào?**

A. Nê-grô-it, Ơ-rô-pê-ô-it, Ô-xtra-lô-it.

B. Môn-gô-lô-it, Ơ-rô-pê-ô-it, Ô-xtra-lô-it.

C. Môn-gô-lô-it, Ơ-rô-pê-ô-it, Nê-grô-it.

D. Ơ-rô-pê-ô-it, Ô-xtra-lô-it, người lai.

**Câu 5. Nhận định nào sau đây thể hiện đúng đặc điểm mật độ dân số và phân bố dân cư châu Á?**

A. Mật độ dân số thấp, phân bố không đều. B. Mật độ dân số cao, phân bố đồng đều.

C. Mật độ dân số trung bình, phân bố đều. D. Mật độ dân số cao, phân bố không đều.

**Câu 6. Khu vực Nam Á có các hệ thống sông lớn nào?**

A. Mê Công, Ấn, Hằng. B. Bra-ma-put, Ấn, Hằng.

C. Hằng, Ấn, Hoàng Hà. D. Trường Giang, Hoàng Hà.

**Câu 7. Những nước nào sau đây thuộc khu vực Nam Á?**

A.Pa-ki-xtan, Ô-man, Nê-pan, Băng-la-đet.

B. Ap-ga-ni-xtan, Bu-tan, Nê-pan, Bru-nây.

C. Pa-ki-xtan, Bu-tan, Nê-pan, Băng-la-đét.

D. Ma-lai-xi-a, Bu-tan, Nê-pan, Băng-la-đét.

**Câu 8. Phần hải đảo của Đông Á do nằm trong “vòng đai lửa Thái Bình Dương” nên thường có hiện tượng gì?**

A. Ngập mặn và mưa bão. B. Lũ lụt và hạn hán.

C. Sóng thần và lũ lụt. D. Động đất và núi lửa.

**II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

**Câu 1 (1,5 điểm)**

Trình bày đặc điểm địa hình và khoáng sản của châu Phi.

**Câu 2 (1,5 điểm)**

Cho đoạn thông tin sau:

Nhật Bản là một nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa phát triển với mức độ công nghiệp hoá cao, cường quốc kinh tế công nghiệp của châu Á. Năm 2020, quy mô nền kinh tế Nhật Bản tính theo thước đo GDP theo giá thực tế đạt 5 081,7 tỉ USD, xếp thứ 3 trên thế giới sau Hoa Kỳ và Trung Quốc, thứ 2 châu Á. Kinh tế Nhật Bản cũng là [nền kinh tế đầu tiên và duy nhất ở châu Á góp mặt trong G7.](https://blogtailieu.com/bo-60-tro-choi-power-point/) Nikkei 225 của Nhật Bản là sàn giao dịch chứng khoán lớn thứ ba trên thế giới theo vốn hóa thị trường, nơi đây chịu trách nhiệm phát hành các báo cáo về những cổ phiếu blue chip được niêm yết trên Japan Exchange Group. Năm 2018, Nhật Bản là nhà xuất khẩu lớn thứ tư thế giới. Đây cũng là quốc gia xếp thứ hai về dự trữ ngoại hối với giá trị đạt khoảng 1.300 tỷ Đô la Mỹ.

Nhật Bản là quốc gia sản xuất ô tô lớn thứ ba đồng thời là quốc gia có ngành công nghiệp sản xuất hàng điện tử lớn nhất thế giới và thường xuyên nằm trong số các quốc gia tiên tiến nhất thế giới trong việc lưu trữ các hồ sợ bằng sáng chế toàn cầu. Ngày nay, ngành sản xuất của Nhật Bản chủ yếu tập trung vào các mặt hàng với hàm lượng công nghệ và độ chính xác cao như dụng cụ quang học, xe hơi hybrid và robot. Vùng Kantô và Kansai là một trong những cụm công nghiệp và trung tâm sản xuất hàng đầu cho nền kinh tế Nhật Bản.

Kinh tế Nhật Bản phát triển với tốc độ cao trong giai đoạn 1955 - 1973, với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình cùa thời kì [này là trên 13%. Sau nhiều thăng trầm trong quá trình phát triển, đến nay nền kinh tế Nhật](https://blogtailieu.com/download-anhdv-boot-2021-premium-moi-nhat/) Bản đang ở giai đoạn tăng trưởng ở mức thấp (khoảng 1% môi năm). Kinh tế Nhật Bản còn [phải đối mặt với một thách thức mới là tình trạng già hoá dân số khiến lực lượng lao động](https://blogtailieu.com/bo-60-tro-choi-power-point/) bị thiếu hụt.

(Nguồn <https://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh> tế Nhật Bản)

Dựa vào thông tin trên, hãy:

a. Nêu hiểu biết về nền kinh tế Nhật Bản (Quy mô kinh tế, tốc độ tăng trưởng GDP, các ngành kinh tế mũi nhọn).

b. Theo em tình trạng già hóa dân số đã ảnh hưởng đến vấn đề nào của Nhật Bản. Em hãy đề ra giải pháp để khắc phục tình trạng này.

**----------------------- *Hết* -----------------------**

**UBND HUYỆN AN LÃO**

**TRƯỜNG THCS THÁI SƠN**

 **HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

 **MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 7**

**Năm học 2022 - 2023**

 **PHÂN MÔN LỊCH SỬ**

 **I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)**

 Mỗi đáp án đúng được **0,25** điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | D | D | C | A | A | B | C | D |

 **II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1****(1.5Đ)** |  **- Tín ngưỡng – tôn giáo:**+ Từ thế kỉ XIII, dòng Phật giáo tiểu thừa được truyền bá và phổ biến ở Đông Nam Á như ở Lan Xang, Cam-pu-chia, các vương quốc của người Thái, người Miến Điện.+ Nhiều ngôi chùa được xây dựng bên cạnh việc thờ phụng mà còn trở thành những trung tâm văn hóa thời bấy giờ.+ Hồi giáo cũng được du nhập vào Đông Nam Á vào thế kỉ XII – XIII.**- Chữ viết – văn học:**+ Đầu thế kỉ XIII, chữ Thái được hình thành dựa trên hệ thống chữ Phạn của người Ấn.+ Chữ Lào ra đời khoảng thế kỉ XIV.+ Trên cơ sở cải tiến chữ Hán (Trung Quốc), người Việt đã tạo ra chữ Nôm.+ Bên cạnh văn học dân gian, dòng văn học viết xuất hiện và phát triển nhanh với nhiều tác phẩm nổi tiếng như “Sách của các ông vua” của In-đô-nê-xi-a, “Truyện sử Mã Lai” của Ma-lai-xi-a,… | **0,75****0,75** |
| **2****(1.5Đ)** | **2.a**- Các thành tựu văn hóa Đông Nam Á phản ánh sự kế thừa, phát triển thành tựu văn hóa nhân loại; đồng thời cho thấy sự cần cù, sáng tạo trong xây dựng bản sắc riêng của cư dân khu vực | **1,0** |
| **2b**. Liên hệ một thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á có ảnh hưởng đến ngày nay:- Phật giáo, Hồi giáo chi phối đời sống tinh thần ở nhiều quốc gia Đông Nam Á. - Chữ viết: Chữ Khơ-me, chữ Thái tiếp tục được phát triển và sử dụng.- Nhiều công trình kiến trúc vẫn còn tồn tại đến ngày nay: đền tháp Ăng-co (Cam-pu-chia), Thạt Luổng (Lào),…  | **0.5** |

**PHÂN MÔN ĐỊA LÍ**

 **I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (2,0 điểm)**

 Mỗi đáp án đúng được **0,25** điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Câu**  | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Đáp án** | **A** | **B** | **C** | **B** | **D** | **B** | **C** | **D** |

 **II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1****(1,5 điểm)** | **Trình bày đặc điểm địa hình và khoáng sản của châu Phi.****\* Địa hình** - Là một khối cao nguyên khổng lồ với độ cao trung bình khoảng 750 m; trên đó, chủ yếu là các sơn nguyên xen các bồn địa thấp. - Phần phía đông được nâng lên mạnh, nền đá bị nứt vỡ và đổ sụp, tạo thành nhiều thung lũng sâu, nhiều hồ dài và hẹp. Châu Phi có rất ít núi cao và đồng bằng thấp.**\* Khoáng sản**- Rất phong phú và đa dạng. Một số loại có trữ lượng lớn. Phân bố chủ yếu ở phía bắc và phía nam lục địa. - Các khoảng sản quan trọng nhất là đồng, vàng, u-ra-ni-um, kim cương, dầu mỏ và phốt-pho-rit,.... | **1,0****0,5** |
| **Câu 2****(1,5 điểm)** | **a. Đặc điểm nền kinh tế Nhật Bản**- Là cường quốc kinh tế công nghiệp của châu Á và cũng là [nền kinh tế duy nhất ở châu Á góp mặt trong G7.](https://blogtailieu.com/bo-60-tro-choi-power-point/) - Năm 2019, GDP đạt 5 081,7 tỉ USD, xếp thứ 3 trên thế giới sau Hoa Kỳ và Trung Quốc, thứ 2 châu Á. - Phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn phục vụ xuất khẩu, nhiều ngành công nghiệp hàng đầu thế giới: chế tạo ô tô, tàu biển; công nghiệp điện tử; sản xuất hàng tiêu dùng.**b.** [**Tình trạng già hoá dân số ảnh hưởng** đến vấn đề lao động và việc làm của Nhật Bản khiến lực lượng lao động](https://blogtailieu.com/bo-60-tro-choi-power-point/) bị thiếu hụt.- Giải pháp: + Đầu tư vốn và công nghệ sang thị trường các nước đang phát triển.+ Nhập khẩu lao động từ nước ngoài.*(HS chỉ nêu 1 giải pháp là đạt điểm tối đa)* | **1,0****0,5** |

 **BGH KÍ DUYỆT TỔ CHUYÊN MÔN GIÁO VIÊN**

 **Dư Thị Khiến Lê Thị Xuân**

 **Bùi Thị Thuỷ**